TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:57/2022/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Phú Thọ, ngày 26 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 7, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lê Tuấn P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 7, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Đỗ Thị H- Luật sư thuộc công ty luật trách nhiệm hữu hạn Anh Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Tuấn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Cháu Lê Thị Thu L, sinh ngày 25/9/2000 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Tuấn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 17/5/2006 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Tuấn P tự thỏa thuận việc chia tài sản chung như sau:

** Anh Lê Tuấn P sở hữu và sử dụng các tài sản gồm:*

- 01 ngôi nhà cấp 4 có 02 tầng (tầng 01 đổ mái, tầng 02 lợp mái tôn), chiều dài 8,8m, chiều rộng 8,0m được xây năm 2010 trị giá 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Anh P có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị T là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Anh P được sở hữu tài sản riêng: Diện tích đất 222.4m^2 (Trong đó: có 50m^2 đất ở; 172,4 m^2 đất trồng cây lâu năm (đất vườn)) thuộc thửa đất số 174-1, tờ bản đồ 68 (F-48-91 (68-24)-B-III) ở khu 12 (Nay là khu 7), xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/2010 mang tên ông Lê Tuấn P.

Anh P tự nguyện hỗ trợ tạo dựng chỗ ở mới sau ly hôn cho chị T là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

* *Chị Trần Thị T sở hữu:* Số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) do anh P thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản chung của vợ chồng và số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) anh P hỗ trợ tạo dựng chỗ ở mới sau ly hôn. Tổng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Xác nhận ngày 19/7/2022, anh Lê Tuấn P đã thanh toán và chị Trần Thị T đã nhận đủ số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Về công nợ, công sức: Không có.

- Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng là 5.150.000đ (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 36.300.000đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002755 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị T 31.150.000đ (Ba mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Tuấn P phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thúy